

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 02/2014/QĐ-TTg

Hà Nội, ngày 13 tháng 01 năm 2014

QUYẾT ĐỊNH**Về tổ chức và hoạt động của Quỹ Bảo vệ môi trường Việt Nam**

Căn cứ Luật tổ chức Chính phủ ngày 25 tháng 12 năm 2001;

Căn cứ Luật bảo vệ môi trường ngày 29 tháng 11 năm 2005;

Căn cứ Luật đa dạng sinh học ngày 13 tháng 11 năm 2008;

Căn cứ Nghị định số 21/2013/NĐ-CP ngày 04 tháng 3 năm 2013 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài nguyên và Môi trường;

Căn cứ Nghị quyết số 35/NQ-CP ngày 18 tháng 3 năm 2013 của Chính phủ về một số vấn đề cấp bách trong lĩnh vực bảo vệ môi trường;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường,

Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định về tổ chức và hoạt động của Quỹ Bảo vệ môi trường Việt Nam.

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quyết định này quy định về tổ chức và hoạt động của Quỹ Bảo vệ môi trường Việt Nam (sau đây gọi tắt là Quỹ), bao gồm: vị trí và chức năng, nguyên tắc hoạt động, nhiệm vụ và quyền hạn, bộ máy quản lý điều hành, nguồn vốn hoạt động và trách nhiệm của các Bộ, ngành có liên quan đối với tổ chức và hoạt động của Quỹ.

Điều 2. Vị trí và chức năng

1. Quỹ Bảo vệ môi trường Việt Nam là Quỹ Bảo vệ môi trường quốc gia, là tổ chức tài chính nhà nước trực thuộc Bộ Tài nguyên và Môi trường; có tư cách pháp nhân, có vốn điều lệ, con dấu và bảng cân đối kế toán riêng, được mở tài khoản tại Kho bạc Nhà nước và các tổ chức tín dụng theo quy định của pháp luật. Trụ sở chính của Quỹ đặt tại thành phố Hà Nội.

2. Quỹ Bảo vệ môi trường Việt Nam có chức năng cho vay lãi suất ưu đãi, tài trợ, hỗ trợ lãi suất cho các chương trình, dự án, các hoạt động, nhiệm vụ bảo vệ môi trường và ứng phó với biến đổi khí hậu không nằm trong kế hoạch ngân sách trên phạm vi toàn quốc.

3. Tên giao dịch của Quỹ bằng tiếng Anh: Vietnam Environment Protection Fund, viết tắt là VEPF.

Điều 3. Nguyên tắc hoạt động

1. Quỹ Bảo vệ môi trường Việt Nam hoạt động không vì mục đích lợi nhuận nhưng phải bảo toàn vốn điều lệ và tự bù đắp chi phí quản lý, được miễn nộp thuế và các khoản nộp ngân sách nhà nước đối với các hoạt động trong lĩnh vực bảo vệ môi trường theo quy định của pháp luật về thuế và pháp luật về ngân sách nhà nước.

2. Quỹ chịu sự kiểm tra, thanh tra, kiểm toán về các hoạt động tài chính của Quỹ của cơ quan quản lý nhà nước về tài chính và Kiểm toán Nhà nước.

3. Quỹ hoạt động công khai, minh bạch và bình đẳng.

Điều 4. Nhiệm vụ của Quỹ

1. Tiếp nhận, quản lý và sử dụng các nguồn vốn từ ngân sách nhà nước, các nguồn tài trợ, đóng góp, ủy thác của các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước nhằm hỗ trợ tài chính cho các hoạt động bảo vệ môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu trên phạm vi toàn quốc.

2. Cho vay vốn với lãi suất ưu đãi đối với các dự án bảo vệ môi trường trên phạm vi toàn quốc.

3. Hỗ trợ lãi suất vay vốn cho các dự án bảo vệ môi trường vay vốn từ các tổ chức tín dụng theo quy định của pháp luật.

4. Tài trợ, đồng tài trợ cho các hoạt động bảo vệ môi trường: Xử lý khắc phục ô nhiễm môi trường, ứng phó, khắc phục hậu quả do sự cố môi trường, thiên tai gây ra, các hoạt động phổ biến, tuyên truyền về quản lý, khai thác tài nguyên và môi trường biển và hải đảo; thực hiện các chương trình, dự án, kế hoạch, nhiệm vụ theo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ; hỗ trợ trao các giải thưởng về môi trường, các hình thức khen thưởng nhằm tôn vinh tổ chức, cá nhân điển hình tiên tiến về bảo vệ môi trường; thực hiện các dự án, nhiệm vụ bảo vệ môi trường được quy định tại Điều lệ tổ chức và hoạt động của Quỹ.

5. Nhận ký quỹ phục hồi môi trường trong khai thác khoáng sản với các tổ chức, cá nhân được phép khai thác khoáng sản.

6. Thực hiện một số cơ chế, chính sách tài chính đối với dự án đầu tư theo Cơ chế phát triển sạch (CDM), bao gồm:

a) Tổ chức theo dõi, quản lý, thu lệ phí bán chứng chỉ giảm phát thải khí nhà kính được chứng nhận (CERs) được Ban Chấp hành quốc tế về CDM cấp cho các dự án CDM thực hiện tại Việt Nam;

b) Hỗ trợ cho các hoạt động phổ biến, tuyên truyền nâng cao nhận thức về dự án đầu tư theo Cơ chế phát triển sạch (CDM); xem xét, phê duyệt tài liệu dự án CDM; quản lý và giám sát dự án CDM;

c) Trợ giá đối với sản phẩm của dự án CDM.

7. Hỗ trợ giá điện đối với dự án điện gió nổi lưới điện theo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ và theo quy định của pháp luật hiện hành.

8. Hỗ trợ tài chính đối với các hoạt động ứng phó với biến đổi khí hậu theo quy định của pháp luật.

9. Tổ chức thẩm định, phê duyệt mức, thời gian và hình thức hỗ trợ tài chính đối với các dự án, nhiệm vụ bảo vệ môi trường sử dụng vốn hỗ trợ từ Quỹ theo Điều lệ tổ chức và hoạt động của Quỹ.

10. Trình Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường xem xét, quyết định các nội dung và hình thức hỗ trợ phát sinh trong quá trình hoạt động.

11. Thực hiện các chương trình, đề án, dự án và nhiệm vụ khác do Thủ tướng Chính phủ, Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường giao.

Điều 5. Quyền hạn

1. Tổ chức cơ quan điều hành và các đơn vị nghiệp vụ hoạt động phù hợp với Điều lệ tổ chức và hoạt động của Quỹ và mục tiêu, nhiệm vụ được giao.

2. Kiểm tra định kỳ và đột xuất các tổ chức sử dụng nguồn vốn của Quỹ trong việc triển khai các hoạt động, nhiệm vụ và dự án bảo vệ môi trường và biến đổi khí hậu. Quỹ có quyền rút vốn vay, đình chỉ tài trợ hoặc hỗ trợ lãi suất vay đối với các chủ đầu tư vi phạm cam kết với Quỹ hoặc vi phạm các quy định của Nhà nước; khởi kiện các chủ đầu tư vi phạm theo quy định của pháp luật.

3. Sử dụng vốn nhàn rỗi của Quỹ để gửi tại các ngân hàng thương mại nhằm mục đích bảo toàn và phát triển vốn cho Quỹ nhưng phải đảm bảo an toàn.

4. Thực hiện và tiếp nhận các hoạt động hỗ trợ kỹ thuật của các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước để tăng cường năng lực cho Quỹ.

5. Từ chối yêu cầu của tổ chức hoặc cá nhân về việc cung cấp các thông tin của Quỹ nếu yêu cầu đó trái với quy định của pháp luật và Điều lệ tổ chức và hoạt động của Quỹ.

6. Trực tiếp quan hệ với các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước để kêu gọi, thu hút và tiếp nhận tài trợ hoặc huy động vốn bổ sung cho Quỹ theo quy định của pháp luật.

7. Cử cán bộ, viên chức và người lao động của Quỹ ra nước ngoài công tác, học tập, tham quan, khảo sát theo quy định của pháp luật.

Điều 6. Cơ cấu tổ chức, bộ máy quản lý và điều hành

Cơ cấu tổ chức, bộ máy quản lý và điều hành của Quỹ gồm Hội đồng quản lý, Ban Kiểm soát và Cơ quan điều hành nghiệp vụ.

1. Hội đồng quản lý Quỹ gồm Chủ tịch và các ủy viên.

a) Chủ tịch Hội đồng quản lý Quỹ là một Thứ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường;

b) Các ủy viên gồm Giám đốc Quỹ và lãnh đạo cấp Vụ của các Bộ, cơ quan: Tài nguyên và Môi trường, Tài chính, Kế hoạch và Đầu tư và Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.

c) Căn cứ vào đề nghị của các Bộ, cơ quan: Tài chính, Kế hoạch và Đầu tư, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, Tài nguyên và Môi trường, Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường xem xét, quyết định danh sách các ủy viên Hội đồng quản lý Quỹ.

Giám đốc Quỹ là ủy viên làm việc theo chế độ chuyên trách của Hội đồng quản lý Quỹ; các ủy viên khác của Hội đồng quản lý Quỹ làm việc theo chế độ kiêm nhiệm và được hưởng các chế độ theo quy định hiện hành.

d) Hằng năm, Hội đồng quản lý Quỹ quy định cơ chế ưu đãi, phạm vi ưu đãi, mức lãi suất ưu đãi, hỗ trợ các sản phẩm và dự án về bảo vệ môi trường;

đ) Nhiệm vụ, quyền hạn và chế độ làm việc của Hội đồng quản lý Quỹ thực hiện theo quy định tại Điều lệ tổ chức và hoạt động Quỹ.

2. Ban Kiểm soát gồm Trưởng Ban Kiểm soát và một số thành viên.

Trưởng Ban Kiểm soát, Kiểm soát viên do Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường bổ nhiệm, miễn nhiệm trên cơ sở đề nghị của Chủ tịch Hội đồng quản lý Quỹ. Số lượng thành viên Ban Kiểm soát không quá 5 người.

Ban Kiểm soát hoạt động theo chế độ chuyên trách.

3. Cơ quan điều hành của Quỹ gồm: Giám đốc, các Phó Giám đốc, Kế toán trưởng và các phòng, ban nghiệp vụ, các trung tâm, các chi nhánh và Văn phòng đại diện tại khu vực phía Nam và khu vực miền Trung.

a) Giám đốc là đại diện pháp nhân của Quỹ do Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường bổ nhiệm hoặc miễn nhiệm trên cơ sở đề nghị của Chủ tịch Hội đồng quản lý Quỹ.

b) Phó Giám đốc, Kế toán trưởng do Giám đốc Quỹ đề nghị, Chủ tịch Hội đồng quản lý Quỹ xem xét, trình Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường bổ nhiệm hoặc miễn nhiệm.

c) Cơ cấu tổ chức, chức năng, nhiệm vụ của các phòng, ban nghiệp vụ, các trung tâm, các chi nhánh và Văn phòng đại diện của Cơ quan điều hành nghiệp vụ Quỹ do Giám đốc Quỹ quy định sau khi có ý kiến chấp thuận của Chủ tịch Hội đồng Quản lý Quỹ.

d) Cơ quan điều hành nghiệp vụ của Quỹ làm việc theo chế độ chuyên trách.

đ) Viên chức và người lao động làm việc tại Quỹ được hưởng chế độ lương, thưởng, phúc lợi và các quyền lợi khác theo quy định như đối với công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước làm chủ sở hữu.

Điều 7. Nguồn vốn của Quỹ

1. Nâng mức vốn điều lệ của Quỹ do ngân sách nhà nước cấp từ 500 (năm trăm) tỷ lên 1.000 (một nghìn) tỷ đồng trong 3 năm (2015 - 2017); đến năm 2017, được cấp đủ 1.000 (một nghìn) tỷ đồng.

Việc tăng vốn điều lệ của Quỹ do Thủ tướng Chính phủ quyết định trên cơ sở đề nghị của Bộ Tài nguyên và Môi trường sau khi thống nhất với Bộ Tài chính.

2. Vốn bổ sung hằng năm từ các nguồn:

a) Ngân sách nhà nước chi sự nghiệp môi trường cấp bù kinh phí tài trợ cho các dự án, nhiệm vụ bảo vệ môi trường đã thực hiện hàng năm và bổ sung vốn hoạt động cho Quỹ.

Hàng năm, Bộ Tài nguyên và Môi trường tổng hợp nhu cầu sử dụng vốn từ nguồn chi sự nghiệp môi trường của Quỹ gửi Bộ Tài chính xem xét, quyết định;

b) Các khoản bồi thường thiệt hại về môi trường và đa dạng sinh học thu vào ngân sách nhà nước;

c) Lệ phí bán, chuyển các chứng chỉ giảm phát thải khí nhà kính được chứng nhận (CERs) thu được từ các dự án CDM thực hiện tại Việt Nam;

d) Các khoản tài trợ, hỗ trợ, đóng góp tự nguyện, ủy thác đầu tư của các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước dành cho lĩnh vực bảo vệ môi trường và ứng phó với biến đổi khí hậu;

đ) Các nguồn vốn hợp pháp khác theo quy định của pháp luật.

Điều 8. Trách nhiệm của các Bộ, ngành liên quan

1. Bộ Tài nguyên và Môi trường là cơ quan quản lý nhà nước về hoạt động của Quỹ, có trách nhiệm:

a) Ban hành Điều lệ tổ chức và hoạt động của Quỹ phù hợp với Quyết định này và các quy định pháp luật hiện hành;

b) Quyết định thành lập Hội đồng quản lý Quỹ, quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm nhân sự lãnh đạo, quản lý Quỹ theo thẩm quyền;

c) Chỉ đạo, hướng dẫn Quỹ hợp tác với Quỹ Môi trường toàn cầu (GEF) và các tổ chức quốc tế trong việc hỗ trợ tài chính đối với các hoạt động về bảo vệ môi trường và ứng phó với biến đổi khí hậu;

d) Chủ trì thực hiện việc kiểm tra, giám sát việc chấp hành chế độ quản lý tài chính; phê duyệt báo cáo quyết toán tài chính hằng năm của Quỹ;

đ) Làm đầu mối giải quyết những vấn đề chung và những vấn đề liên ngành của Quỹ trước khi trình Thủ tướng Chính phủ quyết định, phê duyệt.

2. Bộ Tài chính có trách nhiệm hướng dẫn thực hiện chế độ quản lý tài chính đối với Quỹ Bảo vệ môi trường Việt Nam.

3. Bộ Kế hoạch và Đầu tư có trách nhiệm hướng dẫn Quỹ trong việc vận động, quản lý và thực hiện các khoản viện trợ, ODA và vốn vay ưu đãi của các nhà tài trợ, các tổ chức quốc tế phù hợp với quy định của Chính phủ Việt Nam và yêu cầu của các Nhà tài trợ.

4. Các Bộ, ngành có liên quan thực hiện chức năng, nhiệm vụ theo thẩm quyền được giao.

Điều 9. Điều khoản thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 25 tháng 3 năm 2014. Thay thế Quyết định số 35/2008/QĐ-TTg ngày 03 tháng 3 năm 2008 của Thủ tướng Chính phủ về tổ chức và hoạt động của Quỹ Bảo vệ môi trường Việt Nam.

2. Bộ trưởng các Bộ, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, Chủ tịch Hội đồng quản lý và Giám đốc Quỹ Bảo vệ môi trường Việt Nam chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

THỦ TƯỚNG

Nguyễn Tấn Dũng